



BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

NGÀY 23 THÁNG 09 NĂM 2020

	VN Index		912.50		0.70%		HNX Index		132.64		0.34%	
	KLGĐ		GTGD		KLGĐ		GTGD					
	Cổ phiếu	Thay đổi	Tỷ đồng	Thay đổi	Cổ phiếu	Thay đổi	Tỷ đồng	Thay đổi				
Khớp lệnh	324,674,020	-11.7%	5,495	-10.7%	50,990,054	-23.4%	636	-26.0%				
Thỏa thuận	67,832,577	101.5%	989	66.5%	8,396,430	-7.0%	136	-21.5%				
Tổng cộng	392,506,597	-2.2%	6,484	-3.9%	59,386,484	-21.5%	772	-25.2%				

THÔNG TIN THỐNG KÊ HOSE

Giao dịch của NĐTNN

Giá trị mua (tỷ đồng)	614.4
Giá trị bán (tỷ đồng)	489.0
Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	125.4
Giao dịch của NĐTNN/Tổng GTGD	7.5

Top 5 cổ phiếu GTGD (khớp lệnh)

Mã	Giá	Thay đổi	Giá trị
	VND	%	Tỷ VND
HPG	25,800	1.0	324
STB	12,650	0.8	319
VPB	23,800	1.7	206
CTG	26,250	1.7	168
GEX	25,000	0.4	157

Top 5 cổ phiếu NĐTNN mua ròng

Mã	Giá	Thay đổi	%
	VND	VND	%
VRE	29,100	400	1.4
VCB	85,400	1,400	1.7
FUEVFNVD	13,400	200	1.5
FUESSVFL	10,190	160	1.6
SSI	16,700	150	0.9

Top 5 cổ phiếu NĐTNN bán ròng

Mã	Giá	Thay đổi	%
	VND	VND	%
VHM	77,500	700	0.9
KBC	14,050	500	3.6
VND	13,200	200	1.5
DXG	11,700	0	0.0
VNM	114,700	-400	-0.3

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất

Mã	Giá	Thay đổi	%
	VND	VND	%
HPX	26,784	1,696	6.8
HBC	11,150	700	6.7
LGC	52,900	2,900	5.8
LHG	27,700	1,250	4.7
PGC	18,200	750	4.3

(Tính trong nhóm cổ phiếu vốn hóa ≥ 700 tỷ đồng)

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Tại Mỹ, S&P 500 tăng 1.1% lên 3,316 điểm. Nasdaq Composite và Dow Jones cũng tăng lần lượt 1.7% và 0.5%, tuy nhiên cả hai đều chưa lấy lại các mốc 11,000 và 28,000 tương ứng đánh mất trong đợt điều chỉnh vừa qua. Cổ phiếu Amazon tăng 5.7% - mức đi lên mạnh mẽ nhất của cổ phiếu này kể từ ngày 20/7. Các cổ phiếu công nghệ diễn biến tích cực, cụ thể như Microsoft, Facebook và Alphabet cùng tăng trên 2%, Netflix thêm 0.8%.
- FTSE 100 tại Anh tăng 25,17 điểm (+0.43%). DAX tại Đức tăng 51.95 điểm (+0.41%). CAC40 tại Pháp giảm 19.20 điểm (-0.40%).
- Shanghai Composite giảm 42,63 điểm (-1.29%). Hang Seng tại Hồng Kông giảm 233.84 điểm (-0.98%). KOSPI tại Seoul giảm 56.80 điểm (-2.38%).

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- VN-Index tăng 6.31 điểm (+0.70%), lên 912.5 điểm với 250 mã tăng và 161 mã giảm.
- Trong nhóm VN30, VIC quay đầu giảm nhẹ 0.11% xuống 94,500 đồng, VHM cũng mất 0.31% xuống 129,200 đồng. Các mã khác như TCB, VJC, NVL, GVR, BCM, FPT, BVH, TPB cũng chỉ giảm rất khiêm tốn.
- Nhóm ngân hàng hôm nay hút dòng tiền mạnh và có mức tăng tốt. Ngoài STB khớp gần 24.8 triệu đơn vị, còn có VPB khớp 8.7 triệu đơn vị, đóng cửa tăng 1.71% lên 23,800 đồng. Trong các mã nhỏ và vừa, ITA cũng hút dòng tiền khi khớp hơn 13 triệu đơn vị, đứng thứ 3 trên sàn, đóng cửa tăng 3.57% lên 4,640 đồng.
- HNX-Index tăng 0.45 điểm (+0.34%), lên 132.64 điểm với 83 mã tăng và 64 mã giảm. Trong các mã lớn, cả 3 mã vốn hóa lớn nhất sàn là ACB, SHB và VCG vẫn giữ được sắc xanh, nhưng mức tăng chỉ ở mức tối thiểu. Trong đó, ACB tăng 0.9%, SHB tăng 0.65%, còn VCG tăng 0.27% lên 37,400 đồng.
- UPCOM-Index tăng 0.3 điểm (+0.5%), lên 60.96 điểm với 128 mã tăng và 68 mã giảm. LPB vẫn là mã có thanh khoản tốt nhất thị trường này với 7.1 triệu đơn vị, đóng cửa ở mức tham chiếu 10,700 đồng. VIB đứng thứ 2 với 2.7 triệu đơn vị, nhưng đóng cửa tăng 2.79% lên 25,800 đồng.
- Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai chỉ số VN30 đều tăng theo chỉ số này. Trên thị trường chứng quyền, sắc xanh chiếm ưu thế hơn với 63 mã tăng, trong khi chỉ có 28 mã giảm.
- Tổng khối lượng giao dịch đạt 479.6 triệu đơn vị, giá trị 7,712 tỷ đồng, tương đương với phiên giao dịch hôm qua. Trong đó, giao dịch thỏa thuận đóng góp 76.6 triệu đơn vị, giá trị 1,125 tỷ đồng.

Rổ cổ phiếu giao dịch ngắn hạn (1-4 tuần): ACB, FPT, HCM, HPG, POW, PVS, REE, SSI, VHC, VHM, VNM, VPB, DGC, DMC, DRC, NLG, PTB, TCM, VHC

(Vui lòng xem chi tiết [Trang số 3](#))

CẬP NHẬT TIN TỨC TRONG NƯỚC

Xuất khẩu cá tra sang EU: Sau hồi phục COVID-19 là tận dụng EVFTA

Mã HS	Mô tả	Thuế cơ bản	Lộ trình về 0%
0302 72 00	-- Catfish (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.)	8	B3
0302 24 00	-- Catfish (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.)	9	B3
0304 62 00	-- Catfish (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.)	5,5	B3
1604 20 90	-- Of other fish	14	B3

Thị phần ngành thép biến đổi ra sao sau cuộc đua mở rộng?

- Tính đến nửa đầu tháng 8/2020, tổng giá trị XK cá tra sang EU đạt 85.55 triệu USD, giảm 34.1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị XK sang ba thị trường đơn lẻ là: Hà Lan giảm 27.5%; Đức giảm 36.7% và Tây Ban Nha giảm 13.4%. Mặc dù, EU vẫn là thị trường XK cá tra lớn thứ 3 của DN thủy sản Việt Nam (sau Trung Quốc và Mỹ) nhưng cho tới nay vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi về XK cá tra sang thị trường này.
- Ngày 01/8/2020, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) (EVFTA) chính thức có hiệu lực, trước đó, nhiều DN cá tra Việt Nam đã hi vọng rằng, sẽ có một bước nhảy nào đó trong hoạt động XK sang khối thị trường truyền thống rộng lớn này khi cả hai nhóm sản phẩm cá tra XK là: cá tra nguyên con đông lạnh (HS 030324) và cá tra tươi, ướp lạnh (HS 030272) đều được giảm từ mức thuế cơ bản 8% xuống 0%; sản phẩm cá tra phile tươi, ướp lạnh (HS 030432) giảm từ 9% xuống 0%; cá tra phile đông lạnh (HS 030462) cũng được giảm từ 5.5% xuống còn 0%; các sản phẩm cá tra chế biến (HS 1604) cũng được giảm thuế từ 14% xuống còn 0% trong vòng 3 năm. Có thể nói, điều này giúp tăng lợi thế cạnh tranh của cá tra Việt Nam tại EU so với các sản phẩm cá thịt trắng khác khi các sản phẩm cá thịt trắng bản địa vốn không phải chịu thuế NK.
- Tiêu thụ thép xây dựng, Hòa Phát khẳng định vị trí số 1 khi tăng thị phần từ 23.79% lên 32.02%. Ở sản phẩm tôn mạ, Hoa Sen dù thị phần có sự tăng giảm qua các năm nhưng vẫn duy trì được vị trí dẫn đầu với 31.6%. Thép TVP và Minh Ngọc cũng đang tăng dần thị phần ở mảng tôn và ống thép.
- Sau giai đoạn thuận lợi 2015 - 2017, hàng loạt doanh nghiệp ngành thép bước vào cuộc đua mở rộng nhằm gia tăng thị phần. Hòa Phát xây dựng khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất (Quảng Ngãi), Nam Kim đầu tư nhà máy mạ màu và nhà máy sản xuất tôn mạ công suất 1 triệu tấn/năm, Pomina đầu tư 3 dự án có tổng vốn 170 triệu USD, Formosa Hà Tĩnh, Tôn Đông Á, Hoa Sen cũng tăng cường đầu tư nâng công suất.
- Điều này đã giúp sản lượng sản xuất và bán hàng của các doanh nghiệp thép tăng đáng kể thời gian qua. Theo thống kê của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), sản lượng sản xuất sản phẩm thép đã tăng trưởng liên tục 3 năm từ 21 triệu tấn năm 2017 lên 25.3 triệu tấn, sản lượng bán hàng tăng từ 18 triệu tấn lên 23.1 triệu tấn. Đà tăng trưởng của ngành thép ghi nhận mức cao trên 20% vào năm 2017 và 2018, đến năm 2019 “hạ nhiệt” xuống 1 chữ số.
- Tính đến 8 tháng đầu năm nay, trước ảnh hưởng của dịch COVID-19, sản xuất và bán hàng thép các loại đã giảm lần lượt 5% và giảm 6.9% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, xuất khẩu thép các loại đạt 2.74 triệu tấn, giảm 13.8% so với cùng kỳ năm 2019.

CẬP NHẬT TIN TỨC THẾ GIỚI

WeChat thoát lệnh cấm của ông Trump ngay trước ‘giờ G’

EU thông qua biện pháp đặc biệt để đảm bảo thị trường tài chính hậu Brexit

ASEAN và Trung Quốc nối lại đàm phán Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông

- Một thẩm phán thuộc tòa án sơ thẩm thành phố San Francisco, bang California, Mỹ đã chặn nỗ lực của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump trong việc cấm ứng dụng nhắn tin và thanh toán WeChat của Trung Quốc, chỉ vài giờ trước khi lệnh cấm này có hiệu lực. Tổ chức Liên minh người dùng Wechat tại Mỹ ngày 19/9 đã nộp đơn khởi kiện lệnh cấm WeChat của chính quyền ông Trump lên Tòa án thành phố San Francisco.
- Ngày 21/9, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua biện pháp khẩn cấp đặc biệt duy trì tính ổn định cho thị trường tài chính sau khi giai đoạn chuyển tiếp hậu Brexit (Anh rời EU) kết thúc vào cuối năm. Thị trường tài chính phái sinh của EU hầu như tập trung toàn bộ tại London và được định giá 660,000 tỷ Euro (750,000 tỷ USD)- gấp gần 300 lần toàn bộ nền kinh tế Anh.
- Đại sứ quán Trung Quốc tại Manila nêu rõ Trung Quốc và các nước ASEAN đã nối lại cuộc họp cấp chuyên viên về COC thông qua một hội nghị trực tuyến diễn ra vào ngày 3/9.

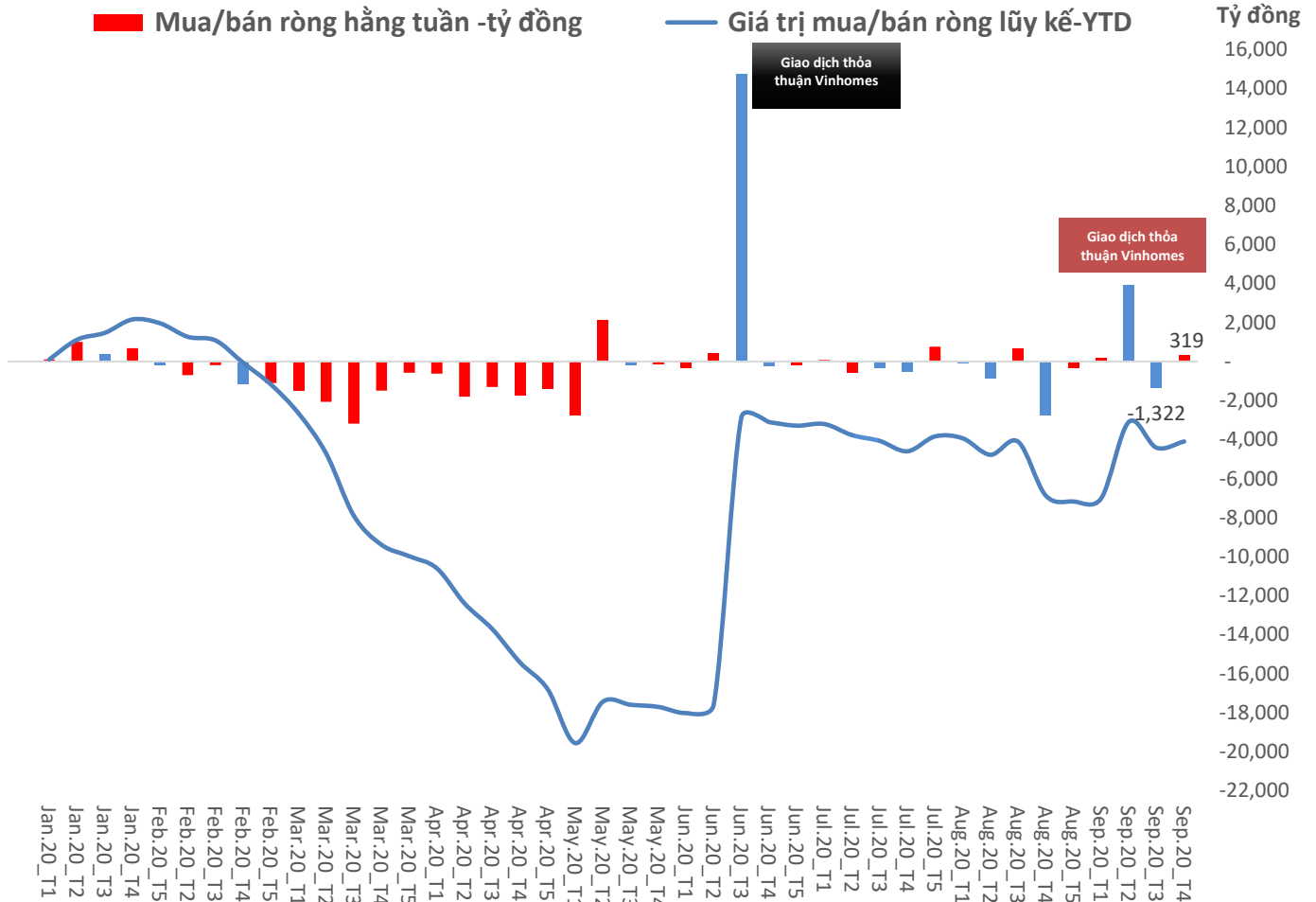
RỔ CỔ PHIẾU GIAO DỊCH NGẮN HẠN (1-4 TUẦN)

STT MCK	Tăng trưởng LNST_1H (y/y)	Giá CP ngày 18/09 (đồng)	Giá bắt đầu mua (càng thấp càng tốt)	Điểm mua	Giá bắt đầu chốt lời (đồng)	Giá xem xét cắt lỗ (đồng)
1 ACB	6%	21,700	20,200	Đợi	22,400	18,600
2 FPT	15%	51,200	47,900	Đợi	53,200	44,100
3 HCM	30%	20,700	19,700	Đợi	21,900	18,100
4 HPG	31%	25,700	24,500	Đợi	26,700	23,000
5 POW	-24%	10,000	10,000	Mua	11,100	9,200
6 PVS	-33%	12,900	13,000	Mua	14,400	12,000
7 REE	-20%	40,300	38,600	Đợi	42,800	35,500
8 SSI	27%	16,300	16,300	Mua	18,100	15,000
9 VHC	-46%	42,300	38,900	Đợi	43,200	35,800
10 VHM	5%	76,900	74,000	Đợi	80,700	69,600
11 VNM	3%	126,400	119,300	Đợi	130,000	112,100
12 VPB	52%	23,250	22,100	Đợi	24,500	20,300

Rổ cổ phiếu giao dịch từ 2 – 4 tháng:

STT MCK	Vốn hóa (tỷ đồng)	PE trailin g	PB (x)	Tăng trưởng LNST_Q2 (y/y)	Tăng trưởng LNST_1H (y/y)	Giá CP ngày 18/09 (đồng)	Giá bắt đầu xem xét mua vào (càng thấp càng tốt)	Giá kỳ vọng (>2 tháng)	Giá kỳ vọng (>3 tháng)	Giá kỳ vọng (>4 tháng)	Tăng/giảm giá CP-1Th (%)	Tăng/giảm giá CP-YTD (%)	Điểm mua
1 DGC	6,047	8.2	1.6	61%	59%	40,650	38,000	42,200	44,300	50,500	26%	67%	Đợi
2 DMC	2,129	9.1	1.7	13%	0%	61,300	56,200	62,400	65,500	74,700	17%	-15%	Đợi
3 DRC	2,328	9.4	1.4	-32%	-3%	19,600	18,200	20,200	21,200	24,200	17%	-11%	Đợi
4 HCM	6,314	12.9	1.5	36%	30%	20,700	19,200	21,300	22,400	25,500	18%	1%	Đợi
5 NLG	7,117	8.1	1.4	-43%	-33%	28,500	27,400	30,400	31,900	36,400	8%	6%	Đợi
6 PTB	2,478	6.5	1.4	-23%	-25%	53,800	54,400	60,400	63,400	72,400	16%	-18%	Mua
7 SSI	9,795	9.5	1.0	138%	27%	16,300	16,500	18,300	19,200	21,900	13%	11%	Mua
8 TCM	1,435	6.1	1.0	56%	21%	23,150	22,700	25,200	26,400	30,200	7%	32%	Đợi
9 VHC	7,696	9.3	1.5	-43%	-46%	42,300	42,600	47,300	49,600	56,700	14%	7%	Mua

THỐNG KÊ MUA/BÁN RÒNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 01/01/2020 - NAY



Nguồn: EVS ước tính, Fiin Pro

- Khối ngoại mua ròng tổng cộng hơn 125 tỷ trên sàn HOSE và 3.67 tỷ trên UPCOM nhưng bán ròng -9.11 tỷ trên HNX. Lực mua ròng trên HOSE (125.4 tỷ) tập trung ở các cổ phiếu như VRE (53.9 tỷ), VCB (33.5 tỷ), FUEVFNVD (31.1 tỷ), FUESSVFL (28.4 tỷ) và SSI (27.5 tỷ). ACV (4.1 tỷ), CTR (3.5 tỷ) và MCH (1.3 tỷ) là 3 mã được mua ròng nhiều nhất trên sàn UPCOM. Ở chiều ngược lại, VCS (-4.8 tỷ), TNG (-2.7 tỷ) và DXP (-1.1 tỷ) lại là những mã bị bán ròng nhiều nhất trên HNX.
- Thống kê từ đầu năm đến 23/09/2020 khối ngoại đã bán ròng tổng cộng -4,101 tỷ đồng trên Thị trường chứng khoán Việt Nam, giảm mạnh so với mức lũy kế gần 18,000 tỷ đồng tính đến giữa tháng 6 nhờ giao dịch thỏa thuận hơn 15,075 tỷ VHM. Nếu không tính đến 3 giao dịch mua & bán thỏa thuận tháng 6, tháng 8 và tháng 9 có giá trị 18,683 tỷ VHM thì khối này đang bán ròng -22,784 tỷ đồng.

GIAO DỊCH CỦA KHỐI TỰ DOANH

Khối tự doanh mua ròng 192.8 tỷ đồng các mã trong VN30 và 137.5 tỷ đồng toàn sàn HOSE trong phiên 23/09/2020. Các mã được mua vào mạnh nhất gồm HPG (27.5 tỷ), VCB (27.2 tỷ), TCB (22.0 tỷ), STB (21.9 tỷ). Trái lại, CCQ ETF là FUEVFNVD, FUESSVFL bị khối tự doanh bán ra gần -55.1 tỷ đồng. LIX (-2.3 tỷ), SSI (-1.8 tỷ), DIG (-1.5 tỷ) cũng bị bán ra tổng cộng hơn -5.5 tỷ đồng.

Tuần giao dịch trước 14 - 18/09: Điểm tiêu cực của thị trường trong tuần qua đó là việc cả khối ngoại lẫn tự doanh các công ty chứng khoán (CTCK) đều bán ròng mạnh. Trong đó, khối tự doanh sàn HoSE mua vào 24.4 triệu cổ phiếu, trị giá 704.4 tỷ đồng, trong khi bán ra 49.4 triệu cổ phiếu, trị giá 1,351 tỷ đồng. Tổng khối lượng bán ròng ở mức 25 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị bán ròng hơn 647 tỷ đồng (giảm nhẹ 5% so với tuần trước đó).

Chứng chỉ quỹ ETF nội E1VFN30 bị khối tự doanh bán ròng mạnh với giá trị 78 tỷ đồng. Các cổ phiếu bluechip như VNM, HPG, VIC, VPB, TCB, CTG, VCB... đều bị bán ròng mạnh, trong đó, VNM bị bán ròng 64 tỷ đồng, HPG và VIC bị bán ròng lần lượt 55 tỷ đồng và 50 tỷ đồng. Chiều ngược lại, BMP được mua ròng mạnh nhất nhưng chỉ 6.2 tỷ đồng.

Trên sàn HoSE, họ bán ròng trở lại 1,131.6 tỷ đồng sau khi mua ròng đến 3,897 tỷ đồng ở tuần trước. Đứng đầu danh sách bán ròng của khối ngoại trong tuần qua là VHM với giá trị lên đến 460 tỷ đồng. Tiếp sau đó, VNM cũng bị bán ròng mạnh với giá trị 152 tỷ đồng. GEX và BID bị bán ròng lần lượt 117 tỷ đồng và 106 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, VIC được khối ngoại mua ròng mạnh nhất với giá trị 146.8 tỷ đồng. VRE cũng được mua ròng 88.4 tỷ đồng. Chứng chỉ quỹ ETF nội E1VFN30 được mua ròng 78.2 tỷ đồng. Như vậy, khối ngoại và tự doanh CTCK tiếp tục có sự liên quan đến nhau trong giao dịch của CCQ E1VFN30.

Thống kê giao dịch tự doanh ngày		23/09/2020			
		Khối lượng mua/bán ròng (Cp)		Giá trị mua/bán ròng (triệu đồng)	
VNINDEX		1,941,640		137,481	
VN30		6,537,260		192,795	
MUA RÒNG			BÁN RÒNG		
Mã CK	Khối lượng (Cp)	Giá trị (triệu đồng)	Mã CK	Khối lượng (Cp)	Giá trị (triệu đồng)
HPG	2,095,120	53,967	FUEVFNVD	2,322,610	30,877
VCB	241,690	20,603	FUESSVFL	2,400,040	24,202
TCB	766,970	17,133	LIX	40,000	2,281
STB	1,247,790	16,156	SSI	110,220	1,828
FPT	226,730	11,594	DIG	100,000	1,450
VPB	404,370	9,567	HDG	55,000	1,330
MWG	93,590	9,535	DRC	65,000	1,252
VNM	70,210	9,099	DGC	29,910	1,202
MBB	334,770	6,440	TCM	15,000	335
CTG	222,520	5,823	TLG	5,000	175
Tuần giao dịch		14 - 18/09/2020			
MUA RÒNG			BÁN RÒNG		
Mã CK	Khối lượng (Cp)	Giá trị (tỷ đồng)	Mã CK	Khối lượng (Cp)	Giá trị (Tỷ đồng)
BMP	104,500	6,201	E1VFN30	5,592,410	78,225
VHC	107,310	4,488	VNM	512,350	63,734
REE	78,810	3,248	HPG	2,169,380	54,645
LDG	440,910	3,030	VIC	533,120	50,364
BMI	117,000	2,948	VPB	1,809,350	41,409
KBC	210,000	2,851	TCB	1,721,350	36,578
PLX	52,710	2,672	CTG	1,317,650	33,298
DCM	250,000	2,476	VCB	386,270	31,837
VGC	54,200	2,413	VJC	266,900	28,248
DBC	47,390	2,248	FUEVFNVD	2,023,100	26,095

LỊCH HỢP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Mã CK	Tên Công ty	Ngày họp	Giờ họp	Địa điểm họp
D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	12/10/2020		Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2, H22, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, tp Biên Hoà, tỉnh Biên Hoà
NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	24/09/2020		Dự kiến tại trụ sở chính CTCP Bột giặt NET, đường D4, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
APH	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Tháng 10/2020		Văn phòng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings tại Hà Nội, Tầng 16, toà nhà PVOil, 148 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	30/09/2020	14h00	Khách sạn Dầu khí, 9-11 Hoàng Diệu, TP Vũng Tàu

Lưu ý: Bảng trên chỉ tổng hợp lịch họp ĐHCĐ Thường niên 2020 của các doanh nghiệp có vốn hóa ≥ 50 tỷ đồng

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 2020

Mã CK	Tên doanh nghiệp (Đơn vị: Tỷ đồng)	Doanh thu kế hoạch 2020	LNTT kế hoạch 2020	LNST kế hoạch 2020	LNTT 1H20	% Kế hoạch	LNTT 2019	LNST 2019
AAA	An Phát Bioplastics	10,000	688	550	150	22%	597	491
ABT	Thủy sản Bến Tre	400	25	20	11	44%	51	49
AGG	Bất động sản An Gia	2,400	513	410	197	38%	367	333
AGM	XNK An Giang	2,058	38	31	14	37%	47	40
AGR	Agriseco	221	88	70	53	60%	85	68
AMD	FLC Stone	1,500	25	20	7	28%	49	34
ANV	Thủy sản Nam Việt	3,000	250	200	90	36%	831	704
APC	Chiếu xạ An Phú	186	15	12	31	207%	70	56
APG	Chứng khoán APG	84	24	19	6	25%	30	24
ASM	Tập đoàn Sao Mai	14,700	1,088	870	338	31%	872	823
ASP	Dầu khí An Pha		63	50	13	21%	61	40
AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	575	12	10	5	42%	263	212
BBC	Bánh kẹo BIBICA	1,800	109	88	67	61%	121	95
BCG	Bamboo Capital	1,913	246	184	51	21%	192	141
BCM	Becamex IDC	6,016	1,152	931	734	64%	2,981	2,631
BFC	Phân bón Bình Điền	6,023	153	123	96	63%	137	99
BHN	HABECO	4,239	313	248	175	56%	670	523
BIC	Bảo hiểm BIDV	2,425	241	193	193	80%	270	211
BID	BIDV		12,500	10,000		0%		8,548
BMC	Khoáng sản Bình Định	180	16	12	8	50%	21	16
BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	3,895	188	150	109	58%	221	181
BMP	Nhựa Bình Minh	4,560	582	466	323	55%	529	423
BRC	Cao su Bến Thành	274	25	20	13	52%	25	20
BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	1,579	132	106	74	56%	224	182
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1,488	1,250	1,000	797	64%	1,512	1,243
BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	3,150	588	470	280	48%	540	476
CAV	Dây cáp điện Việt Nam	10,392	501	401	251	50%	627	494
CDC	Chương Dương Corp	586	40	32	23	58%	43	34
CHP	Thủy điện Miền Trung	776	276	221	-10	Lỗ	227	216
CIG	Xây dựng COMA 18	60	10	5	-142	Lỗ		1
CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	5,800	1,010	808	426	42%	523	522
CLG	Cotec Land	155	2	2		0%	-211	-209
CLL	Cảng Cát Lái	358	102	81	61	60%	113	90
CLW	Cấp nước Chợ Lớn	1,225	34	26	15	44%	30	22
CMG	Tập đoàn CMC	5,576	301	248	103	34%	263	219
CMX	CAMIMEX Group	1,410	100	90	31	31%	92	78
CNG	CNG Việt Nam	3,351	100	80	17	17%	108	84
COM	Vật tư Xăng dầu	3,000	31	25	9	29%	64	51
CRC	Create Capital Việt Nam	456	17	14	1	6%	6	5
CRE	Bất động sản Thế Kỷ	2,441	500	400	176	35%	491	393
CSM	Cao su Miền Nam	4,992	150	120	40	27%	66	52
CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	1,643	257	206	126	49%	315	251
CTD	Xây dựng Coteccons	16,000	750	600	354	47%	891	711
CTF	City Auto	6,400	50	40	8	16%	55	44
CTI	Cường Thuận IDICO	1,377	141	113	83	59%	97	84
CTS	Chứng khoán Vietinbank		144	115	7	5%	140	115

CVT	CMC JSC	1,300	175	140	51	29%	206	165
D2D	Phát triển Đô thị số 2	414	221	179	188	85%	469	375
DAG	TĐ Nhựa Đông Á	1,510	35	28	7	20%	71	53
DAH	Tập đoàn Khách sạn Đông Á	120	6	5	6	100%		1
DAT	ĐT Du lịch và PT Thủy sản	2,000	50	40		0%	69	62
DBC	Tập đoàn DABACO	13,203	512	457	803	157%	345	305
DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	1,400	190	152	100	53%	174	142
DCM	Đạm Cà Mau	7,956	57	52	383	672%	463	428
DGC	Hóa chất Đức Giang	6,084	875	700	494	56%	599	572
DGW	Thế Giới Sổ	10,200	253	202	117	46%	210	163
DHC	Đông Hải Bến Tre	2,338	250	200	176	70%	220	182
DHG	Dược Hậu Giang	3,866	720	576	402	56%	713	631
DIG	DIC Corp	2,500	650	520	96	15%	471	372
DLG	Đức Long Gia Lai	2,500	100	80	-279	Lỗ	38	-7
DPG	Đạt Phương	2,382	285	229	98	34%	285	223
DPM	Đạm Phú Mỹ	9,237	513	433	493	96%	467	389
DPR	Cao su Đồng Phú	721	177	142	71	40%	244	191
DQC	Bóng đèn Điện Quang	610	2	1		0%	37	30
DRC	Cao su Đà Nẵng	4,360	280	224		0%		251
DRH	DRH Holdings	275	75	60	23	31%	65	55
DRL	Thủy điện - Điện lực 3	87	50	45		0%		56
DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	620	281	225		0%		248
DXG	Địa ốc Đất Xanh	4,900	1,293	1,034	-298	Lỗ	2,389	1,886
EIB	Eximbank		1,318	1,054		0%		866
EVE	Everpia	1,000	103	82	-5	Lỗ	94	72
FCM	Khoáng sản FECON	800	60	48	25	42%	58	47
FCN	FECON CORP	4,000	291	233	47	16%	277	212
FDC	FIDECO	276	44	35		0%	68	66
FIT	Tập đoàn F.I.T	1,384	171	136	51	30%	120	92
FLC	Tập đoàn FLC	12,500	-1,957	-1,957	-2,786	142%	783	696
FMC	Thực phẩm Sao Ta	4,170	250	200	95	38%	236	230
FPT	FPT Corp	32,450	5,510	4,408	2,428	44%	4,665	3,912
FRT	Bán lẻ FPT	15,320	220	176	26	12%	278	204
FTS	Chứng khoán FPT	390	220	176	46	21%	255	214
GAB	Đầu tư Khai khoáng & Quản lý Tài sản							
	FLC	326	30	24	1	3%		16
GAS	PV Gas	66,164	8,294	6,636	5,246	63%	15,068	12,086
GDT	Gỗ Đức Thành	394	106	85	38	36%	93	74
GEX	Thiết bị điện Việt Nam	19,600	975	780	529	54%	1,102	852
GMC	Garmex Sài Gòn	1,300	23	18	26	113%	135	104
GMD	Gemadep	2,150	500	400	282	56%	705	614
GTN	GTNFOODS	2,909	159	99	94	59%	9	7
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	24,647	5,036	4,029	970	19%	4,655	3,833
HAG	Hoàng Anh Gia Lai	5,082	-356	-356	-132	37%	-1,905	-1,809
HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1,219	106	85	82	77%	156	133
HAI	Nông Dược HAI	1,250	16	13	3	19%		15
HAX	Ô tô Hàng Xanh		67	53	16	24%	65	51
HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	12,500	156	125	48	31%	527	406
HCM	Chứng khoán TP.HCM	1,298	567	454	314	55%	531	433
HDB	HDBank		5,661	4,529		0%		4,020
HDC	Phát triển Nhà BR-VT	1,030	250	200	99	40%	184	146
HDG	Tập đoàn Hà Đô	5,394	1,466	1,173	964	66%	1,390	1,117
HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	710	294	235	200	68%	226	195
HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	4,307	566	453	11	2%	-2,375	-2,444
HPG	Hòa Phát	86,000	11,250	9,000	5,753	51%	9,097	7,578
HPX	Đầu tư Hải Phát	2,000	500	400	97	19%	633	453
HQC	Địa ốc Hoàng Quân	1,219	79	63	10	13%	60	41
HSG	Tập đoàn Hoa Sen	28,000	500	400		0%	573	490
HT1	Xi măng Hà Tiên 1	8,584	830	664	397	48%	928	741
HTI	PT Hạ tầng IDICO	373	74	59	37	50%	74	70
HTN	Hưng Thịnh Incons	4,175	357	286	149	42%	238	187
HTV	Logistics Vicem	313	32	25	17	53%	37	29
HVN	Vietnam Airlines	32,535	-14,487	-14,487	-6,526	45%	3,389	2,537
IBC	Đầu tư APAX Holdings	2,250	94	75	-168	Lỗ	104	70
IJC	Becamex IJC	2,080	304	250	198	65%	345	284
ILB	ICD Tân Cảng Long Bình	407	72	59	40	56%	82	65
IMP	IMEXPHARM	1,750	260	208	111	43%	202	162
ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	842	271	217	89	33%	235	206
KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	3,600	1,250	1,000	164	13%	1,364	1,041

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

KDC	Tập đoàn KIDO	8,234	330	264	183	55%	283	207
KDH	Nhà Khang Điền	3,500	1,375	1,100	528	38%	1,190	917
KOS	Công ty KOSY	1,200	38	30	9	24%	26	20
LCG	LICOGI 16	2,668	263	210	98	37%	256	194
LDG	Đầu tư LDG	2,133	751	601		0%	753	603
LHG	KCN Long Hậu	916	153	123	136	89%	179	143
LIX	Bột giặt LIX	2,772	230	184	142	62%	225	179
MBB	MBBank		9,032	7,226		0%		8,069
MSH	Máy Sóng Hồng	3,200	250	200	149	60%	547	450
MSN	Tập đoàn Masan	85,000	3,750	3,000	251	7%	7,105	6,365
MWG	Thế giới di động	110,000	4,313	3,450	2,798	65%	5,053	3,836
NAF	Nafoods Group	1,350	79	66	40	51%	52	48
NAV	Tấm lợp và gỗ Nam Việt	106	18	14	9	50%	14	14
NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	700	238	191	123	52%	276	220
NHH	Nhựa Hà Nội	1,860	183	146	25	14%	72	57
NLG	BDS Nam Long	1,520	1,028	822	221	21%	1,226	1,007
NNC	Đá Núi Nhỏ	416	151	121		0%		123
NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	1,513	231	185	104	45%	239	207
NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	7,177	653	620	451	69%	797	754
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	14,877	4,520	3,650	1,487	33%	4,272	3,387
NVT	Ninh Vân Bay	187	4	1	15	375%	68	54
OGC	Tập đoàn Đại Dương	1,008	235	206	108	46%	125	83
OPC	Dược phẩm OPC	815	130	104	68	52%	131	101
PAC	Pin Ấc quy Miền Nam	3,670	256	205	75	29%	212	167
PAN	Tập đoàn PAN	7,918	381	305	106	28%	516	452
PC1	Xây lắp điện I	7,001	586	469	276	47%	433	376
PDR	BDS Phát Đạt	3,789	1,500	1,200	350	23%	1,105	874
PET	PETROLSETCO	9,100	180	140	83	46%	185	127
PGC	Gas Petrolimex	2,036	140	112	73	52%	195	155
PGD	PV GAS D	8,427	255	204	59	23%	296	234
PGI	Bảo hiểm PJICO	3,468	181	145		0%		163
PHR	Cao su Phước Hòa	2,460	1,148	918	682	59%	607	488
PIT	XNK PETROLIMEX	674	8	6	1	13%	11	7
PJT	Vận tải thủy PETROLIMEX	669	31	24	16	52%	42	34
PLX	Petrolimex	122,000	1,570	1,256	-920	Lỗ	5,648	4,677
PME	Dược phẩm Pymepharco	2,032	435	348	175	40%	402	321
PMG	ĐT và SX Petro Miền Trung	1,400	83	62	41	49%	83	62
PNJ	Vàng Phú Nhuận	14,486	1,047	832	554	53%	1,507	1,194
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	35,449	2,395	2,044	1,552	65%	3,165	2,855
PPC	Nhiệt điện Phả Lại	8,277	765	612	483	63%	1,530	1,261
PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	5,160	460	374	185	40%	550	457
PVD	Khoan Dầu khí PVDDrilling	4,680	85	68	94	111%	189	172
PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	6,200	550	433	393	71%	1,016	821
QBS	Xuất nhập khẩu Quảng Bình	1,000	20	20		0%	-169	-174
QCG	Quốc Cường Gia Lai	900	100	80	50	50%	78	58
RAL	Bóng đèn & Phích Rạng Đông	3,400	200	160	175	88%	162	125
RDP	Nhựa Rạng Đông	1,828	88	71	9	10%	84	70
REE	Cơ Điện Lạnh REE	5,965	2,025	1,620	779	38%	1,920	1,720
RIC	Quốc tế Hoàng Gia	294	12	9	-54	Lỗ	-73	-73
ROS	Xây dựng FLC FAROS	3,400	68	54	-147	Lỗ	225	178
SAB	SABECO	23,800	4,065	3,252	2,418	59%	6,686	5,370
SAM	SAM Holdings	3,108	124	99	21	17%	136	101
SBA	Sông Ba JSC	238	86	81		0%		98
SBT	Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa	10,903	430	344	387	90%	476	309
SBV	Siam Brothers Việt Nam	527	80	64	15	19%	67	57
SCD	Giải khát Chương Dương	259	15	12	1	7%	22	17
SCR	Sacomreal	2,056	120	96	61	51%	347	278
SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	660	450	360	238	53%	538	502
SFC	Nhiên liệu Sài Gòn		37	30	10	27%	42	33
SFG	Phân bón Miền Nam	1,800	25	20	4	16%	2	2
SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	820	13	10	97	746%	474	379
SGR	Địa ốc Sài Gòn		183	146	128	70%	116	90
SJD	Thủy điện Cần Đơn	442	201	160	42	21%	192	153
SJF	Đầu tư Sao Thái Dương	550	31	25	-23	Lỗ	7	5
SJS	SUDICO	1,080	147	118	27	18%	140	107
SKG	Tàu Cao tốc Superdong	353	39	31	7	18%	107	101
SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	1,036	106	84	75	71%	259	207
SMC	Đầu tư & TM SMC	15,200	150	120	72	48%	146	100

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

SRC	Cao su Sao Vàng	916	21	17		0%	52	41
SRF	SEAREFICO	1,500	60	50	10	17%	82	72
SSC	Giống cây trồng Miền Nam	374	49	39		0%	93	74
SSI	Chứng khoán SSI	2,750	868	694	659	76%	1,106	907
STB	Sacombank		2,573	2,058		0%		2,455
STG	Kho Vận Miền Nam	1,780	93	61	-5	Lỗ	153	123
STK	Sợi Thế Kỷ	1,798	163	130	66	40%	253	214
SVC	SAVICO	14,763	125	108	29	23%	275	233
SVI	Bao bì Biên Hòa	1,800	140	112	78	56%	180	141
SZL	Sonadezi Long Thành	409	109	87	62	57%	127	103
TCB	Techcombank		13,000	10,400		0%		10,226
TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	2,500	800	640	452	57%	679	540
TCL	Tan Cang Logistics	1,039	123	102	51	41%	122	100
TCM	Dệt may Thành Công	3,780	236	189	143	61%	274	217
TCT	Cáp treo Tây Ninh	66	-2	-2		0%	84	67
TDH	Thủ Đức House	2,736	399	314	-5	Lỗ	216	178
TDM	Nước Thủ Dầu Một	503	280	224	83	30%	211	204
TLG	Tập đoàn Thiên Long	2,800	275	220	23	8%	437	349
TLH	Thép Tiến Lên	4,500	63	50	-12	Lỗ	-144	-146
TMS	Transimex	2,279	368	295	165	45%	256	225
TMT	Ô tô TMT	1,904	21	16		0%		4
TN1	TNS Holdings	647	144	115	54	38%	143	112
TPB	Ngân hàng Tiên Phong		4,068	3,254		0%		3,094
TRC	Cao su Tây Ninh	388	95	76	45	47%	99	83
TTF	Gỗ Trường Thành	2,427	70	56	42	60%	-1,003	-1,003
UIC	PT Nhà & Đô Thị IDICO	2,895	65	52	35	54%	74	60
VAF	Phân lân Văn Điển	937	37	30	14	38%	18	12
VCF	Vinacafé Biên Hòa	3,300	975	780	327	34%	791	678
VCI	Chứng khoán Bản Việt	1,390	550	440	400	73%	855	693
VGC	Tổng Công ty Viglacera	8,300	750	600	426	57%	970	759
VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	8,600	1,329	1,063	424	32%	1,309	1,179
VHM	Vinhomes	97,000	38,750	31,000	14,697	38%	29,746	24,319
VIC	VinGroup	145,000	6,250	5,000	6,122	98%	15,637	7,717
VJC	Vietjet Air	36,000	100	80	48	48%	4,569	3,807
VNL	Logistics Vinalink	850	20	16	18	90%	23	19
VNM	VINAMILK	59,600	13,000	10,690	7,070	54%	12,796	10,554
VNS	Ánh Dương Việt Nam	1,180	-115	-115	-128	111%	139	109
VPB	VPBank		10,214	8,171		0%		8,260
VPH	Vạn Phát Hưng	260	97	78		0%	45	30
VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	2,002	378	302	40	11%	650	511
VPS	Thuốc sát trùng Việt Nam	630	27	22	7	26%	20	14
VRE	Vincom Retail	9,900	3,125	2,500	1,065	34%	3,576	2,852
VSC	VICONSHIP	1,550	266	213	155	58%	342	286
VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	367	139	111	-3	Lỗ	178	159
VSI	Đầu tư & XD Cấp thoát nước	246	24	19		0%		23
VTB	Viettronics Tân Bình	360	20	16	10	50%	21	16
VTO	VITACO	1,131	70	56	26	37%	127	99
YEG	Tập đoàn Yeah1	1,800	155	125	13	8%	-386	-383
ACB	Ngân hàng Á Châu		7,636	6,109		0%		6,010
BCC	Xi măng Bim Sơn	4,647	155	124	78	50%	163	123
BVS	Chứng khoán Bảo Việt	483	91	79		0%		136
BXH	Bao bì Xi măng HP	175	3	3	3	100%	5	3
C69	Xây dựng1369	400	10	8	2	20%	6	5
CEO	Tập đoàn CEO	3,000	250	200	-96	Lỗ	834	608
CIA	DV Sân Bay Cam Ranh	186	1	1	-22	Lỗ	36	29
CSC	Tập đoàn COTANA	790	125	100	-6	Lỗ	5	3
DBT	Dược phẩm Bến Tre	912	38	31	10	26%	31	26
HCC	Bê tông Hòa Cầm	330	18	14		0%		13
HLD	Bất động sản HUDLAND	295	68	54		0%		76
IDC	IDICO	852	324	259	176	54%	574	477
IDV	PT Hạ tầng Vĩnh Phúc	264	190	152	92	48%	168	150
INN	Bao bì và In Nông Nghiệp	1,050	90	72	32	36%	107	86
MBS	Chứng khoán MB	720	200	160	135	68%	289	230
NRC	Bất động sản Netland	900	250	200	10	4%	114	90
SHB	SHB		3,268	2,614		0%		2,418
VCG	VINACONEX	9,530	1,025	820	538	52%	965	787
VCS	VICOSTONE	6,654	1,980	1,584	659	33%	1,653	1,410

Nguồn: EVS tổng hợp

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Ngày phát hành	Mã chứng khoán	Khuyến nghị	Khuyến nghị trước	Tên báo cáo	Loại báo cáo
1	17/06/2020	FPT	MUA	N/A	Báo cáo phân tích cổ phiếu FPT	Báo cáo lần đầu
1	27/04/2020	MBB	MUA	MUA	Báo cáo cập nhật cổ phiếu MBB	Báo cáo cập nhật
2	13/04/2020	VNM	MUA	MUA	Báo cáo cập nhật cổ phiếu VNM	Báo cáo cập nhật
3	03/04/2020	CTG	MUA	N/A	Báo cáo phân tích cổ phiếu CTG	Báo cáo phân tích
4	13/03/2020	REE	MUA	MUA	Báo cáo cập nhật cổ phiếu REE	Báo cáo cập nhật
5	11/03/2020	DRC	MUA	MUA	Báo cáo cập nhật cổ phiếu DRC	Báo cáo cập nhật
6	04/03/2020	HPG	MUA	MUA	Báo cáo cập nhật cổ phiếu HPG	Báo cáo cập nhật

Báo cáo chi tiết vui lòng xem tại website CTCP Chứng khoán Everest: <https://eves.com.vn/>

CÁC MỨC KHUYẾN NGHỊ

MUA:	Lợi nhuận kỳ vọng của 12 tháng đầu tư ít nhất là +14%.
NẮM GIỮ:	Lợi nhuận kỳ vọng của 12 tháng đầu tư nằm trong khoảng +/-14%.
BÁN:	Lợi nhuận kỳ vọng của 12 tháng đầu tư thấp hơn -14%.
KHÔNG XẾP HẠNG:	Do thiếu những thông tin cần thiết nên chúng tôi không thể thực hiện khuyến nghị.

KHUYẾN CÁO

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán EVEREST (EVS), EVS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của EVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo. EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của EVS và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của EVS. Khi sử dụng các nội dung đã được EVS chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn.

THÔNG TIN LIÊN LẠC

CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS)- www.eves.com.vn

Trụ sở chính:

Tầng 2, VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3772 6699 - Fax: (84) 24 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn:

Tầng M, Central Park Tower, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 6290 6296 - Fax: (84) 28 6290 6399

Chi nhánh Bà Triệu:

Tầng 1, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 39366866 - Fax: (84) 24 3936 6586